

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BL
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 19 /2023/HS-ST
Ngày 23-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lục Ích Tuân

Bà Hoàng Thị Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Văn San – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày **23 tháng 5 năm 2023** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng, tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2023/TLST-HS ngày 28/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **18/2023/QĐXXST-HS ngày 10/5/2023** đối với bị cáo:

Nông Văn S (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/01/1964 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm VV, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ học vấn: **01/12**; dân tộc: Nùng, giới tính: Nam, tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn S, sinh năm 1938 (đã chết) và con bà Phùng Thị S, sinh năm 1944; Gia đình bị cáo có 06 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Triệu Thị N, sinh năm 1962, con 04 con; Tiền án: 01, bản án số 807/PTHS ngày 26/6/2002 bị cáo bị Toà Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị xử phạt 11 năm tù; ngày 21/9/2010 bị cáo chấp hành xong hình phạt, chưa được xoá án tích; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã từ ngày 03/01/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Triệu Thị N, sinh năm 1962; Nơi cư trú: xóm VV, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người làm chứng:* Đặng Minh P, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ x, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt.

- Người phiên dịch tiếng Nùng: Ông Ma Văn Đ, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu xx, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 9 giờ 40 phút ngày 20/10/2011, tổ công tác công an huyện BL phát hiện và bắt quả tang Đặng Minh P đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thu giữ 01 (một) cục nhỏ heroin. P khai nhận 01 (một) cục nhỏ heroin này là P vừa mua với Nông Văn S tại nhà S thuộc xóm VV, xã TH, huyện BL với giá 400.000 đồng. Sau khi mua heroin với S xong, P đi cách nhà S khoảng 500 m thì đem số heroin tách ra sử dụng 01 phần, phần còn lại thì bị bắt quả tang. P khai còn được mua heroin với S 02 (hai) lần nữa vào ngày 17/10/2011 và ngày 18/10/2011, mỗi lần 01 (một) tép heroin, mỗi tép giá 100.000 đồng. Mục đích mua heroin của P là để bản thân sử dụng. P biết S có ma túy bán là do được Vũ Xuân N cho đi cùng để mua ma túy, N có lời khai, mua ma túy với S 01 lần vào tháng 9/2011, số tiền 100.000 đồng.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện BL đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nông Văn S, thu giữ: 01 (một) cục chất bột màu trắng được gói bằng túi nilon màu trắng và 01 (một) cục nhỏ chất bột màu trắng được gói bằng vỏ bao thuốc lá du lịch, cất giấu trong túi áo bông ngủ vợ chồng Nông Văn S; 02 (hai) mảnh giấy bạc bị đốt; 01 (một) cân tiểu ly; số tiền: 13.850.000 Việt Nam đồng.

Ngày 21 và 26/10/2011 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện BL và Viện kiểm sát nhân dân huyện BL tiến hành cân xác định khối lượng và trích lấy mẫu gửi giám định. Kết quả cân xác định số ma túy thu giữ của Đặng Minh P khi bắt quả tang có khối lượng là 0,2 gam; khối lượng ma túy thu giữ tại nơi ở của Nông Văn S tổng cộng là 13,35 gam. Tại bản kết luận giám định số: 194/GĐMT ngày 07/11/2011 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng, kết luận: Số mẫu gửi đến giám định đều là Heroine. Ngày 24/11/2011, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện BL đã ra Lệnh bắt bị can Nông Văn S để tạm giam nhưng bị can đã bỏ trốn khỏi địa phương từ ngày 20/10/2011, do vậy, Cơ quan CSĐT công an huyện BL đã Quyết định tách vụ án hình sự để xử lý hành vi của bị can S trong vụ án khác, ra quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can, đồng thời truy nã bị can Nông Văn S. Ngày 03/01/2023 Nông Văn S được Trung Quốc trao trả về Việt Nam và bị bắt theo Lệnh truy nã, thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO.

Tại cơ quan điều tra S khai nhận: Trong tháng 10/2011, S đang ở nhà thì có H (không rõ họ và năm sinh, có tên gọi khác là H H; trú tại xóm BB, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng) đến chơi và đặt vấn đề bán heroin cho S với giá

3.800.000 đồng/01 chỉ, thấy giá cả hợp lý nên S đặt mua với H 04 chỉ. Ngày 19/10/2011, S đang ở nhà thì H đến đưa cho S 01 gói heroin được gói trong túi nilon màu trắng và 01 cân tiểu ly, 01 vỏ hộp bằng gỗ. S cân lại thấy khối lượng đã đủ nhưng chưa có tiền, H nói khi nào bán xong thì trả số tiền 15.200.000 đồng cho H sau, S đồng ý. Sau khi có heroin, S đem chia làm 04 phần rồi gói bằng vỏ bao thuốc lá du lịch cất vào túi áo để trong buồng ngủ của S. Ngày 20/10/2011, P đến hỏi mua heroin với S, S đã bán 01 phân cho P với giá 400.000 đồng. Sau đó S đến nhà hàng xóm chơi, khi quay về thấy cơ quan chức năng đang tiến hành khám xét chỗ ở của S, lo sợ hành vi của mình bị phát hiện nên S đã bỏ trốn sang Trung Quốc. S không thừa nhận bán ma túy 02 lần cho P vào ngày 17/10/2011 và ngày 18/10/2011; không thừa nhận bán ma túy 01 lần cho N vào tháng 9/2011.

Bà Triệu Thị N là vợ Nông Văn S và các con của Nông Văn S không biết việc Nông Văn S mua bán trái phép chất ma túy, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện BL không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Triệu Thị N và các con của Nông Văn S. Số tiền thu giữ tại nhà S là tiền vợ chồng S bán 02 con trâu được 19.500.000 đồng, gửi cho con gái đang đi học tại Hà Nội 5.000.000 đồng, chi tiêu sinh hoạt phí 650.000 đồng, còn lại số tiền 13.850.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 23/CT-VKSBL ngày 26/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Văn S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h, p, khoản 2, Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL truy tố bị cáo là đúng. Bị cáo đề nghị trả lại cho vợ bị cáo là bà Triệu Thị N số tiền 13.850.000 đồng đã thu giữ vì đây là số tiền bán trâu, không liên quan đến mua bán ma túy; đề nghị trả lại chiếc điện thoại OPPO.

Bà Triệu Thị N trình bày, bà không biết việc bị cáo S mua bán trái phép chất ma túy, số tiền 13.850.000 đồng thu giữ là số tiền bà bán 02 con trâu do bà trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc có được, bị cáo S không có công chăm sóc nuôi dưỡng 02 con trâu, không liên quan đến mua bán ma túy của bị cáo S, bà N đề nghị được trả lại số tiền.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng số 23/CT-VKSBL ngày 26/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đề nghị áp dụng điểm h, p, khoản 2, Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo S từ 12 năm tù đến 13 năm tù; Về vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy

được đựng trong 01 phong bì, 02 mảnh giấy bạc, 01 cân tiểu ly; Hoàn trả cho bị cáo S 01 điện thoại OPPO; Hoàn trả lại cho bà Triệu Thị N số tiền 13.850.000 đồng vì đây là số tiền bà N bán 02 con trâu có. Truy thu đối với bị cáo S số tiền 400.000 đồng do bị cáo bán trái phép chất ma túy mà có. Về án phí, buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát; Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai của họ trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào khoản 1, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp biên bản tiến hành cân xác định khối lượng, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 20/10/2011, bị cáo Nông Văn S đã bán 0,2 gam heroin cho Đặng Minh P với giá 400.000 đồng tại nhà ở của S, xóm VV, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Khám xét nơi ở của bị cáo S thu giữ 13,35 gam heroin với mục đích để bán cho người khác kiếm lời, do vậy, bị cáo S phải chịu trách nhiệm đối với tổng khối lượng số ma túy là 13,55 gam. Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện ngày 20/10/2011, căn cứ theo khoản 1, Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo bị áp dụng điều luật của Bộ luật Hình sự năm 1999. Hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác, tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm bán cho người khác của bị cáo S là bị cáo đã phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy với tình tiết định khung “Hêrôin có trọng lượng từ năm gam đến dưới ba mươi gam” theo điểm h, khoản 2, Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra, căn cứ vào bản án số 807/PTHS ngày 26/6/2002 của Tòa P thẩm Tòa án nhân dân tối cao bị cáo S bị áp dụng điểm b, g, khoản 2, Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, có mức cao nhất của khung hình phạt là 15 năm tù, phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, ngày 21/9/2010 bị cáo chấp hành xong hình phạt, tính đến ngày 20/10/2011, bị cáo chưa được xoá án tích, lại phạm tội rất

ng nghiêm trọng, do đó, lần phạm tội này bị cáo S phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” nên phải bị áp dụng thêm 01 tình tiết định khung tăng nặng là “tái phạm nguy hiểm” theo điểm p, khoản 2, Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, Cáo trạng số 23/CT-VKSBL ngày 26/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Văn S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h, p, khoản 2, Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét đồng phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Vụ án chỉ do một mình bị cáo thực hiện, không có đồng phạm. Bị cáo S là người có đầy đủ N lực hành vi, tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức việc mua bán trái phép chất ma túy là trái với quy định của pháp luật nhưng vì hám lời bất chính mà bị cáo cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, việc mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây tác hại xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của nhà nước về ma túy, cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nông Văn S bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo bản án số 807/PTHS ngày 26/6/2002, bị xử phạt 11 năm tù, bị cáo chưa được xoá án tích lại thực hiện hành vi phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương nên đã bị truy nã, do đó, xác định bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu, bị kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy nhưng không lấy đó làm bài học lại tiếp tục phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy có tính chất rất nghiêm trọng thể thiện ý thức coi thường pháp luật, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về gia đình.

[7] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Các biện pháp tư pháp.

[8.1] Về vật chứng: Số ma túy được đựng trong 01 phong bì là vật cấm tàng trữ cần tịch thu tiêu huỷ theo điểm c, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; 02

mảnh giấy bạc đựng trong 01 phong bì và 01 cân tiểu ly đã qua sử dụng là công cụ liên quan đến mua bán trái phép chất ma túy nên tịch thu tiêu hủy theo điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Đề nghị của bị cáo được trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, bị cáo và bà N đề nghị trả lại cho bà N số tiền 13.800.000 đồng cần được chấp nhận do đây là số tiền bà Triệu Thị N đã bán 02 con trâu do bà tự nuôi dưỡng, chăm sóc mà có, không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy, căn cứ theo điểm a, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[8.2] Tịch thu tiền liên quan đến tội phạm: Bị cáo bán trái phép chất ma túy cho Đặng Minh P được số tiền 400.000 đồng, đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu theo điểm b, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm b, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[9] Đối với Đặng Minh P bị bắt quả tang vào ngày 20/10/2011 đã bị Tòa án nhân dân huyện BL kết án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị xử phạt 30 (ba mươi) tháng tù. S chỉ nhận được bán heroin cho P một lần vào ngày 20/10/2011, không thừa nhận bán 02 lần nữa cho P, P đã thi hành xong bản án và trở về địa phương nhưng không rõ đi đâu làm gì, nên Cơ quan điều tra không tiến hành đối chất giữa P với S được, không có cơ sở để truy tố bị cáo S về hành vi bán 02 lần ma túy cho P. Vũ Xuân N có lời khai được mua với Nông Văn S 01 lần vào tháng 9/2011, S không thừa nhận bán ma túy cho N, hiện nay N không có mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra không tiến hành đối chất giữa N với S được, không có cơ sở để xử lý đối với S về 01 lần bán ma túy cho N. Theo lời khai của Nông Văn S người đàn ông bán ma túy cho S là H (hay còn gọi là H H), qua xác minh, xác định được người này tên thật là Lý Văn H, trú tại: xóm BB, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, H không có mặt tại địa phương, chỉ có lời khai duy nhất của S nên Cơ quan điều tra không có cơ sở mở rộng vụ án.

[10] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[12] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng, truy thu số tiền phạm tội mà có, án phí hình sự đều phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; Lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nông Văn S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm h, p, khoản 2, Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nông Văn S 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 03/01/2023.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, khoản 2, điểm a, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì niêm phong, bên trong chứa tang vật là ma túy (Heroine) thu giữ tại nơi ở của Nông Văn S.

+ 01 phong bì niêm phong, bên trong có 02 mảnh giấy bạc bị đốt cháy.

+ 01 cân tiểu ly đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn S: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen, màn hình cảm ứng, có nhiều vết nứt vỡ; số IMEI 1: 862560044269835; số IMEI 2: 862560044269827.

- Trả lại cho Bà Triệu Thị N (sinh năm 1962, nơi cư trú: xóm VV, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng): 13.850.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

(Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng và được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 29 ngày 27/4/2023).

3. Tịch thu tiền liên quan đến tội phạm: Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Truy thu số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) đối với bị cáo Nông Văn S do bán trái phép chất ma túy mà có.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nông Văn S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)

tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện BL;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan THAHS huyện BL;
- Thi hành án dân sự huyện BL;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**